

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 795/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1134/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 3, xã B, huyện G, Tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 201, đường T, tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Bà Trần Thị Ngọc G trình bày:

Bà và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58, Quyền số 01/2012, ngày 04 tháng 7 năm 2012.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bà rất yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau nên lúc đó đầm ấm hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, thường cãi nhau, gia đình không còn hạnh phúc. Vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương, tạo điều kiện cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không hòa giải được. Mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Trần Tường V, sinh ngày 10/5/2014 và Trần Hoàng Thiên S, sinh ngày 09/10/2017. Sau ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Tường V và Trần Hoàng Thiên S, bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung: Bà G xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi xét xử bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của ông T đối với vụ kiện.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Trần Thị Ngọc G đối với ông Trần Văn T là trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn ông Trần Văn T hiện cư trú tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Trần Văn T, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn không đến tòa tham gia giải quyết vụ kiện. Vì vậy, căn cứ theo Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Thị Ngọc G và ông Trần Văn T có tình hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58, Quyển số 01/2012, ngày 04 tháng 7 năm 2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Bà G xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bà bất đồng quan điểm, thường cãi nhau, gia đình không còn hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương, tạo điều kiện cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không hòa giải được. Mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Tòa án cũng đã triệu tập ông T và bà G đến Tòa án tiến hành hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên ông T không đến tòa, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà G, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn xảy ra. Mặc khác bà G xác định bà không còn tình cảm với ông T, bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân với ông T. Hiện tại hai vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, tạo điều kiện cho nhau thực quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông T đã phát sinh trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà G và ông T có 02 con chung tên Trần Tường V, sinh ngày 10/5/2014 và Trần Hoàng Thiên S, sinh ngày 09/10/2017. Sau ly hôn bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Tường V và Trần Hoàng Thiên S, bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Do ông T không đến tòa nên không thể hiện ý kiến của ông về con chung. Xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích mọi mặt của cháu V muốn sống với bà G và nguyện vọng của bà G muốn nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V và cháu Sang cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà G xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung. Sau này nếu ông T có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác. Hội đồng xét xử xét thấy không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[6]. Về nợ chung: Bà G xác định không có nợ chung. Do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về nợ chung. Sau này nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác. Hội đồng xét xử xét thấy không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: bà G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa Bà Trần Thị Ngọc G và ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao bà Trần Thị Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Tường V, sinh ngày 10/05/2014 và Trần Hoàng Thiên S, sinh ngày 09/10/2017.

3. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà G tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

4. Về tài sản chung: Bà G xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về nợ chung: Bà G xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà G phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) theo biên lai số 0084784 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi Cục

Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Định